

DANH SÁCH ĐẠT TRÌNH ĐỘ TIẾNG ANH
TƯƠNG ĐƯƠNG CẤP ĐỘ B2 KHUNG CHÂU ÂU THAM CHIẾU

ĐỢT THI THÁNG 03 NĂM 2014

(Theo Quyết định số: 444/QĐ-ĐHTN, ngày 10 tháng 4 năm 2014 của Giám đốc Đại học Thái Nguyên)

TT	SBD	HỌ VÀ TÊN	GIỚI TÍNH	NGÀY SINH	NƠI SINH	ĐIỂM THI				TỔNG ĐIỂM
						NÓI	ĐỌC - VIẾT		NGHE	
1	CH0011	Nguyễn Thị Quỳnh Anh	Nữ	29/04/1989	Thái Nguyên	18	26	28	15	87
2	CH0014	Nguyễn Văn Anh	Nam	19/08/1982	Vĩnh Phúc	14	9	21	10	54
3	CH0015	Phạm Thế Anh	Nam	15/10/1980	Quảng Ninh	14	17	13	7	51
4	CH0025	Lê Tiến Bắc	Nam	05/07/1981	Thái Nguyên	10	16	18	9	53
5	CH0034	Đặng Quang Bích	Nam	16/02/1984	Hưng Yên	8	29	18	10	65
6	CH0035	Nguyễn Văn Bính	Nam	08/04/1973	Bắc Giang	15	29	22	10	76
7	CH0037	Vũ Song Cảnh	Nam	18/11/1986	Quảng Ninh	6	29	18	7	60
8	CH0038	Nguyễn Văn Cầu	Nam	17/10/1966	Thái Bình	17	12	15	8	52
9	CH0040	Lê Quang Chát	Nam	31/05/1970	Vĩnh Phúc	10	16	17	9	52
10	CH0051	Nguyễn Văn Chính	Nam	23/09/1971	Bắc Giang	15	29	19	13	76
11	CH0056	Nguyễn Duy Chung	Nam	28/03/1978	Bắc Ninh	10	28	15	9	62
12	CH0060	Nguyễn Đức Công	Nam	10/02/1983	Vĩnh Phúc	16	16	19	9	60
13	CH0066	Hà Mạnh Cường	Nam	16/10/1981	Vĩnh Phúc	15	22	17	9	63
14	CH0069	Mai Đức Cường	Nam	02/12/1976	Quảng Ninh	7	19	17	8	51
15	CH0075	Phạm Văn Cường	Nam	03/06/1980	Thái Nguyên	12	22	19	16	69
16	CH0076	Trịnh Thế Cường	Nam	10/12/1975	Nam Định	14	16	24	14	68
17	CH0083	Dương Văn Du	Nam	09/11/1965	Vĩnh Phúc	7	14	17	17	55
18	CH0085	Nguyễn Lê Nguyên Dung	Nữ	03/12/1987	Quảng Ngãi	16	25	24	19	84
19	CH0093	Đoàn Văn Duyến	Nam	19/08/1972	Bắc Ninh	6	21	16	9	52
20	CH0095	Dương Quang Dũng	Nam	22/03/1982	Vĩnh Phúc	8	19	19	7	53
21	CH0098	Lê Quốc Dũng	Nam	27/12/1971	Lào Cai	10	20	19	8	57
22	CH0099	Nguyễn Chí Dũng	Nam	30/05/1981	Bắc Ninh	11	18	20	6	55
23	CH0101	Phạm Bá Dũng	Nam	14/07/1965	Bắc Giang	7	19	19	9	54
24	CH0106	Đồng Thùy Dương	Nữ	03/06/1983	Vĩnh Phúc	14	23	24	7	68
25	CH0111	Trần Văn Dương	Nam	19/05/1974	Bắc Ninh	6	19	15	11	51
26	CH0116	Phạm Văn Đại	Nam	28/01/1976	Hải Phòng	14	25	16	12	67
27	CH0123	Nguyễn Minh Đăng	Nam	29/01/1971	Vĩnh Phúc	9	16	17	10	52
28	CH0130	Nguyễn Thị Định	Nữ	03/10/1986	Hà Nội	7	26	17	10	60
29	CH0138	Nguyễn Anh Đức	Nam	24/11/1968	Hưng Yên	15	14	17	12	58
30	CH0172	Nguyễn Song Hà	Nam	28/08/1985	Thái Nguyên	16	27	22	14	79
31	CH0178	Nguyễn Thị Thu Hà	Nữ	09/10/1976	Bắc Giang	12	28	21	13	74
32	CH0207	Nguyễn Thị Thu Hạnh	Nữ	21/12/1987	Vĩnh Phúc	11	14	20	9	54
33	CH0212	Tạ Thị Thu Hạnh	Nữ	10/09/1971	Vĩnh Phú	7	27	21	10	65
34	CH0229	Huỳnh Thu Hiền	Nữ	13/06/1986	Quảng Ngãi	8	28	25	19	80
35	CH0232	Nguyễn Văn Hiền	Nam	22/12/1970	Hải Dương	7	18	18	8	51

DANH SÁCH ĐẠT TRÌNH ĐỘ TIẾNG ANH
TƯƠNG ĐƯƠNG CẤP ĐỘ B2 KHUNG CHÂU ÂU THAM CHIẾU

ĐỢT THI THÁNG 03 NĂM 2014

(Theo Quyết định số: 444/QĐ-ĐHTN, ngày 10 tháng 4 năm 2014 của Giám đốc Đại học Thái Nguyên)

TT	SBD	HỌ VÀ TÊN		GIỚI TÍNH	NGÀY SINH	NƠI SINH	ĐIỂM THI				TỔNG ĐIỂM
							NÓI	ĐỌC - VIẾT		NGHE	
36	CH0268	Bùi Thị Thanh	Hoàn	Nữ	03/04/1975	Thái Nguyên	10	19	19	10	58
37	CH0277	Trần Văn	Hòa	Nam	05/09/1974	Vĩnh Phúc	6	16	17	13	52
38	CH0279	Vũ Minh	Hòa	Nam	01/10/1975	Phú Thọ	6	34	13	10	63
39	CH0284	Nguyễn Thị Minh	Hồng	Nữ	07/01/1974	Bắc Ninh	12	36	10	14	72
40	CH0298	Nguyễn Thị Hồng	Huệ	Nữ	20/11/1977	Vĩnh Phúc	8	35	16	13	72
41	CH0317	Vũ Thị Thu	Huyền	Nữ	04/11/1980	Phú Thọ	15	26	26	14	81
42	CH0320	Hà Thanh	Hùng	Nam	08/12/1985	TP. Hồ Chí Minh	10	34	10	9	63
43	CH0324	Nguyễn Anh	Hùng	Nam	14/06/1987	Vĩnh Phúc	7	32	15	10	64
44	CH0327	Nguyễn Việt	Hùng	Nam	20/06/1986	Vĩnh Phúc	6	34	15	8	63
45	CH0328	Phan Mạnh	Hùng	Nam	30/12/1979	Vĩnh Phúc	6	30	14	10	60
46	CH0331	Vũ Việt	Hùng	Nam	21/03/1983	Sơn La	12	28	17	10	67
47	CH0335	Lương Việt	Hưng	Nam	25/11/1982	Quảng Ninh	8	32	15	6	61
48	CH0340	Nguyễn Thế	Hưng	Nam	26/12/1984	Vĩnh Phúc	7	33	16	9	65
49	CH0344	Vũ Quang	Hưng	Nam	04/11/1971	Vĩnh Phúc	8	34	17	7	66
50	CH0345	Vũ Tiên	Hưng	Nam	31/10/1978	Thái Bình	6	32	11	9	58
51	CH0354	Nguyễn Thị	Hương	Nữ	25/08/1981	Tuyên Quang	14	35	20	19	88
52	CH0355	Nguyễn Thị Mai	Hương	Nữ	06/07/1983	Hà Nội	10	28	13	14	65
53	CH0364	Trần Thị Mai	Hương	Nữ	04/05/1976	Hà Tĩnh	6	32	16	7	61
54	CH0367	Vũ Mai	Hương	Nữ	27/08/1986	Bắc Ninh	13	37	16	13	79
55	CH0376	Nguyễn Văn	Kha	Nam	08/10/1973	Bắc Ninh	11	27	13	15	66
56	CH0378	Trịnh Đình	Khá	Nam	01/10/1981	Hà Nội	9	32	10	6	57
57	CH0379	Đào Quốc	Khánh	Nam	02/09/1965	Vĩnh Phúc	8	32	14	10	64
58	CH0383	Đào Đình	Khoa	Nam	21/08/1976	Bắc Ninh	8	34	12	8	62
59	CH0385	Đỗ Huy	Khôi	Nam	05/11/1981	Thanh Hóa	9	34	12	10	65
60	CH0390	Đào Trọng	Kiên	Nam	15/05/1978	Hải Phòng	10	32	15	12	69
61	CH0393	Nguyễn Trung	Kiên	Nam	06/02/1967	Hà Nội	13	26	16	11	66
62	CH0394	Trịnh Trung	Kiên	Nam	30/05/1983	Tuyên Quang	7	30	15	13	65
63	CH0400	Nguyễn Thị Phương	Lan	Nữ	19/09/1980	Tuyên Quang	9	29	18	10	66
64	CH0403	Lê Thị	Lành	Nữ	20/06/1977	Thái Bình	11	28	17	11	67
65	CH0412	Nguyễn Thị Bích	Liên	Nữ	09/04/1974	Hà Nội	8	30	17	8	63
66	CH0432	Nguyễn Thành	Long	Nam	24/10/1976	Hà Nội	8	24	22	12	66
67	CH0434	Vũ Đức	Long	Nam	28/09/1988	Vĩnh Phúc	13	22	19	10	64
68	CH0453	Hà Xuân	Minh	Nam	03/04/1962	Hà Nội	8	20	22	15	65
69	CH0456	Trần Quang	Minh	Nam	29/08/1967	Vĩnh Phúc	8	23	19	10	60
70	CH0462	Nguyễn Thành	Nam	Nam	19/05/1984	Hà Nội	7	23	21	10	61

DANH SÁCH ĐẠT TRÌNH ĐỘ TIẾNG ANH
TƯƠNG ĐƯƠNG CẤP ĐỘ B2 KHUNG CHÂU ÂU THAM CHIẾU

ĐỢT THI THÁNG 03 NĂM 2014

(Theo Quyết định số: 444/QĐ-ĐHTN, ngày 10 tháng 4 năm 2014 của Giám đốc Đại học Thái Nguyên)

TT	SBD	HỌ VÀ TÊN		GIỚI TÍNH	NGÀY SINH	NƠI SINH	ĐIỂM THI				TỔNG ĐIỂM
							NÓI	ĐỌC - VIẾT		NGHE	
71	CH0468	Vũ Thành	Nam	Nam	04/02/1984	Quảng Ninh	8	20	23	6	57
72	CH0487	Nguyễn Hồng	Ngoan	Nữ	19/12/1979	Quảng Ninh	16	23	27	12	78
73	CH0492	Dương Thị Bích	Ngọc	Nữ	22/01/1979	Vĩnh Phúc	9	19	22	8	58
74	CH0510	Đỗ Thị Hồng	Nhung	Nữ	17/04/1973	Hà Nội	9	28	25	16	78
75	CH0516	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	Nữ	14/09/1987	Quảng Ngãi	13	29	27	20	89
76	CH0519	Nguyễn Hữu	Nhường	nam	01/07/1969	Hải Dương	16	34	18	11	79
77	CH0526	Nguyễn Thị Hồng	Oanh	Nữ	22/03/1977	Quảng Ngãi	17	27	27	20	91
78	CH0535	Dương Hà	Phú	Nam	22/11/1983	Vĩnh Phúc	7	27	14	6	54
79	CH0542	Đoàn Thị Thanh	Phượng	Nữ	19/06/1977	Yên Bái	15	16	22	9	62
80	CH0546	Hà Hồng	Phượng	Nữ	02/02/1984	Phú Thọ	9	25	22	7	63
81	CH0549	Nguyễn Thị	Phượng	Nữ	29/11/1989	Hà Tây	14	27	26	11	78
82	CH0553	Trần Xuân	Phượng	Nam	10/02/1975	Hà Nam	9	26	23	13	71
83	CH0555	Lê Bình	Phượng	Nam	16/04/1965	Quảng Ninh	8	27	23	9	67
84	CH0557	Nguyễn Thanh	Phượng	Nữ	06/03/1975	Tây Ninh	9	20	24	11	64
85	CH0558	Trần Thị Minh	Phượng	Nữ	03/04/1975	Gia Định	12	27	23	11	73
86	CH0564	Trương Văn	Quang	Nam	19/04/1970	Vĩnh Phúc	6	22	21	8	57
87	CH0570	Trần Ngọc	Quế	Nam	23/03/1974	Bắc Ninh	8	26	23	6	63
88	CH0578	Hoàng Quốc	Quyền	Nam	20/03/1982	Hà Giang	9	24	26	6	65
89	CH0582	Phạm Hùng	Quyết	Nam	29/08/1979	Quảng Ninh	7	17	21	10	55
90	CH0588	Nguyễn Thị Việt	Quỳnh	Nữ	09/03/1980	Thái Nguyên	17	22	23	13	75
91	CH0589	Bùi Minh	Quý	Nữ	19/03/1983	Yên Bái	17	25	25	13	80
92	CH0590	Lê Văn	Quý	Nam	10/07/1985	Vĩnh Phúc	8	11	21	11	51
93	CH0598	Nguyễn Tất	Sáng	Nam	16/12/1971	Vĩnh Phúc	8	17	24	11	60
94	CH0599	Nguyễn Thị Hương	Sen	Nữ	27/07/1975	Hải Dương	8	27	28	20	83
95	CH0608	Lò Thanh	Sơn	Nam	02/07/1980	Sơn La	9	25	24	8	66
96	CH0610	Lưu Thế	Sơn	Nam	14/08/1981	Hà Nội	12	27	26	13	78
97	CH0614	Nguyễn Văn	Sơn	Nam	15/09/1969	Vĩnh Phúc	6	22	22	10	60
98	CH0620	Lê Đăng	Tâm	Nam	01/09/1968	Vĩnh Phúc	6	24	23	13	66
99	CH0623	Nguyễn Thị Minh	Tâm	Nữ	05/06/1979	Quảng Ngãi	10	27	27	14	78
100	CH0629	Nguyễn Ngọc	Thanh	Nam	19/09/1977	Vĩnh Phúc	7	22	27	7	63
101	CH0633	Trần Việt	Thanh	Nam	21/11/1974	Hà Nam	9	20	22	7	58
102	CH0637	Vũ Trần	Thanh	Nam	27/08/1983	Vĩnh Phúc	7	23	19	10	59
103	CH0638	Khổng Sơn	Thành	Nam	25/08/1985	Vĩnh Phúc	12	24	23	7	66
104	CH0662	Hà Tất	Thắng	Nam	04/01/1964	Hưng Yên	9	24	20	11	64
105	CH0681	Hoàng Văn	Thới	Nam	28/02/1964	Thanh Hóa	14	22	20	8	64

DANH SÁCH ĐẠT TRÌNH ĐỘ TIẾNG ANH
TƯƠNG ĐƯƠNG CẤP ĐỘ B2 KHUNG CHÂU ÂU THAM CHIẾU

ĐỢT THI THÁNG 03 NĂM 2014

(Theo Quyết định số: 444/QĐ-ĐHTN, ngày 10 tháng 4 năm 2014 của Giám đốc Đại học Thái Nguyên)

TT	SBD	HỌ VÀ TÊN		GIỚI TÍNH	NGÀY SINH	NƠI SINH	ĐIỂM THI				TỔNG ĐIỂM
							NÓI	ĐỌC - VIẾT	NGHE		
106	CH0690	Trần Thị Lệ	Thu	Nữ	02/06/1984	Gia Lai	8	24	25	11	68
107	CH0694	Lưu Văn	Thuyên	Nam	10/09/1980	Hà Nội	8	20	25	10	63
108	CH0696	Mai Thị Thanh	Thùy	Nữ	08/12/1980	Nam Định	12	27	24	11	74
109	CH0697	Hà Thị Lệ	Thủy	Nữ	09/06/1979	Tuyên Quang	12	20	23	15	70
110	CH0698	Đặng Thị	Thủy	Nữ	15/07/1981	Vĩnh Phúc	7	16	18	13	54
111	CH0724	Phạm Việt	Tiến	Nam	20/12/1990	Hải Phòng	16	22	23	12	73
112	CH0739	Nguyễn Như	Trang	Nữ	22/06/1986	Thái nguyên	13	24	21	9	67
113	CH0741	Nguyễn Thu	Trang	Nữ	02/10/1982	Tuyên Quang	10	15	25	13	63
114	CH0749	Vũ Thị Kim	Trinh	Nữ	06/03/1968	Vĩnh Phúc	6	21	19	9	55
115	CH0753	Nguyễn Thành	Trung	Nam	25/07/1981	Vĩnh Phúc	9	22	23	7	61
116	CH0764	Lê Anh	Tuấn	Nam	02/09/1980	Vĩnh Phúc	9	15	23	9	56
117	CH0765	Nguyễn Minh	Tuấn	Nam	20/05/1976	Hà Nội	10	14	21	9	54
118	CH0768	Nguyễn Thanh	Tuấn	Nam	17/02/1979	Vĩnh Phúc	7	18	18	8	51
119	CH0776	Nguyễn Văn	Tuyên	Nam	02/10/1980	Vĩnh Phúc	7	21	19	9	56
120	CH0779	Đào Thị Kim	Tuyền	Nữ	20/02/1980	Tuyên Quang	10	22	25	14	71
121	CH0783	Nguyễn Thị	Tuyết	Nữ	17/08/1984	Tuyên Quang	7	17	18	10	52
122	CH0785	Nguyễn Thanh	Tùng	Nam	09/12/1977	Vĩnh Phúc	7	25	19	10	61
123	CH0794	Phạm Thanh	Tú	Nam	21/12/1985	Vĩnh Phúc	7	18	20	9	54
124	CH0796	Trần Tuấn	Tú	Nam	04/11/1981	Bắc Ninh	8	18	24	6	56
125	CH0799	Cao Thành	Văn	Nam	15/05/2058	Cà Mau	14	17	22	14	67
126	CH0807	Trần Thị Thanh	Vân	Nữ	19/05/1973	Vĩnh Phúc	7	17	20	9	53
127	CH0814	Dương Thị Thúy	Vinh	Nữ	08/10/1982	Thái Nguyên	14	22	27	10	73
128	CH0819	Nguyễn Đình	Vinh	Nam	15/04/1963	Phú Thọ	9	18	25	7	59
129	CH0823	Ngô Thị Kim	Xuân	Nữ	12/06/1972	Phú Thọ	17	22	26	9	74
130	CH0826	Nguyễn Văn	Yên	Nam	17/11/1978	Vĩnh Phúc	10	17	23	9	59

Ấn định danh sách có 130 thí sinh.